TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vy Văn Lâm.

2. Bà Trương Thị Khung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Anh Tuấn, Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNHĐ ngày 12/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị O, sinh năm 1998. Căn cước công dân số ***. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1994. Căn cước công dân số ***. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt không có lý do.

- **Người làm chứng:**

1. Bà Phạm Thị Thuý N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn M, xã H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị

Hứa Thị O trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị O và anh Phạm Văn T có quan hệ tìm hiểu, yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ truyền thống và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/12/2016 tại UBND xã T nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn) trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh Phạm Văn T thường xuyên chơi bời, không quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống gia đình. Mặc dù anh Phạm Văn T đi làm công ty, có thu nhập nhưng hàng tháng không gửi tiền về phụ vợ nuôi dưỡng con cái, góp phần trang trải chi phí sinh hoạt chung của gia đình mà để chị Hứa Thị O phải một mình xoay sở khiến chị không còn niềm tin vào cuộc sống vợ chồng. Thậm chí, khi chị Hứa Thị O góp ý mong muốn anh Phạm Văn T thay đổi để hoá giải mâu thuẫn, gìn giữ tình cảm gia đình thì anh Phạm Văn T có hành vi đe doạ, đánh chị Hứa Thị O và đập phá điện thoại của chị Hứa Thị O nhiều lần. Cùng năm 2020, chị Hứa Thị O đã nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, tuy nhiên được gia đình hoà giải và vẫn còn tình cảm vợ chồng nên chị Hứa Thị O quyết định cho anh Phạm Văn T thêm cơ hội, rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên anh Phạm Văn T vẫn không thay đổi, thường xuyên rượu chè, chơi bời, mặc dù ít về nhà nhưng lúc nào cũng gọi điện, nhắn tin đe doạ đánh chị Hứa Thị O.

Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm nhất là vào Tết nguyên đán năm 2023, anh Phạm Văn T uống rượu say về rồi vô cớ chửi bới, đánh, đuổi chị Hứa Thị O. Từ đó tới nay, vợ chồng ly thân, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, tuy nhiên, anh Phạm Văn T vẫn thường xuyên gọi điện, nhắn tin, đe doạ sẽ đánh chị Hứa Thị O nếu gặp được nhằm mục đích cấm không cho chị Hứa Thị O làm đơn ly hôn.

Nay, chị Hứa Thị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Tcó 01 người con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 31/12/2017. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung đều do chị Hứa Thị O chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phạm Văn T không quan tâm, hỏi han gì đến con chung. Trong thời gian chị đi làm (chị Hứa Thị O làm công nhân tại khu công nghiệp Tr, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 15 triệu đồng đến 16 triệu đồng), cháu Phạm Đăng K do ông bà của cháu phụ giúp chăm sóc, trông nom.

Mặc dù theo đơn khởi kiện, chị Hứa Thị O đề nghị giao con chung cho anh Phạm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Tuy nhiên, trong thời gian chờ Toà án giải quyết, chị Hứa Thị O thấy anh

Phạm Văn T thường xuyên chơi bời, rượu chè, nhiều lần gọi điện đe doạ chị Hứa Thị O và bố mẹ đẻ của chính anh Phạm Văn T rằng nếu anh ta được nuôi con sẽ mang con theo xuống Bắc Ninh, điều này làm ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Do đó, chị Hứa Thị O thay đổi yêu cầu khởi kiện, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Đăng K đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; yêu cầu anh Phạm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã lấy ý kiến, nguyện vọng của cháu Phạm Đăng K theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình; tại tòa án, cháu Phạm Đăng K trình bày có nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị Hứa Thị O trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng ông Phạm Văn Th và bà Phạm Thị Thuý N về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hứa Thị O và anh Phạm Văn T, đều thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Phạm Văn T chơi bời, rượu chè, không quan tâm phụ giúp vợ con mà còn đe doạ, đánh đập, yêu cầu chị O phải đưa tiền để anh T đi trả nợ, dẫn đến cuộc sống vợ chồng xảy ra cãi vã, không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ khoảng đầu năm 2023. Gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng anh Phạm Văn T không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng không hoá giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Thị O, xử cho chị Hứa Thị O được ly hôn với anh Phạm Văn T. Giao cho chị Hứa Thị O được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 31/12/2017 cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy

định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại thôn Đ, xã V, tỉnh Lạng Sơn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lạng Sơn.

[3] *Xem xét yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập; có đủ cơ sở để xác định chị Hứa Thị O và anh Phạm Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Trên cơ sở lời khai, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và lời khai của những người làm chứng (bố đẻ và cô ruột của anh Phạm Văn T), có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Phạm Văn T không quan tâm phụ giúp gia đình, chơi bời, không chịu làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, bỏ mặc việc nuôi dưỡng chăm sóc con cái cho vợ một mình cáng đáng, chịu trách nhiệm; hay tụ tập, rượu chè, khi uống rượu vào không làm chủ được bản thân, nhiều lần xúc phạm, đánh đuổi vợ ra khỏi nhà. Mâu thuẫn trầm trọng kể từ năm 2023, vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi cho đến hiện nay không có sự quan tâm chăm sóc đến nhau trong thời gian dài dẫn đến tình cảm không còn.

[5] Theo quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định:

"3. *"Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: *Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau*;...."

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự

trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ, bỏ mặc nguyên đơn tự giải quyết tại Toà án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ly hôn.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hứa Thị O và anh Phạm Văn T có 01 người con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 31/12/2017. Quá trình giải quyết, chị Hứa Thị O thay đổi yêu cầu khởi kiện, thể hiện nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, thu nhập trung bình hàng tháng của chị Hứa Thị O được khoảng 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Phạm Văn Th cam kết sẽ hỗ trợ chăm nom cháu trong thời gian chị đi làm. Mặt khác, bị đơn anh Phạm Văn T bỏ mặc con cái không quan tâm trong thời gian dài; quá trình giải quyết, anh Phạm Văn T biết chị Hứa Thị O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng anh Phạm Văn T không có ý kiến gửi về Tòa án, cũng không giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con theo yêu cầu của Toà án. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Đăng K là mong muốn được ở cùng với mẹ.

[8] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 tháng; xét thấy, việc nguyên đơn yêu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, phù hợp với mức cấp dưỡng theo quy định và mức sinh hoạt thực tế tại địa phương nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn xác định không có và các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng, cùng quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và các nhận định nêu trên nên

Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Quan hệ hôn nhân.

Xử cho chị Hứa Thị O được ly hôn với anh Phạm Văn T.

(Đăng ký kết hôn số 32, ngày 14 tháng 12 năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn)

2. Con chung.

Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 31/12/2017.

2.1. Sau khi ly hôn, chị Hứa Thị O được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Đăng K đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Đăng K với số tiền 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng, một tháng); thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh Phạm Văn T vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì chị Hứa Thị O có quyền làm đơn yêu cầu gửi đến cơ quan thi hành án, người phải thi hành án (anh Phạm Văn T) chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện

theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí.

4.1. Chị Hứa Thị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm; xác nhận đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001038 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4.2. Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo.

Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lang Sơn;
- UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự:.....;
- Lưu Toà, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường